

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2024

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Khánh, ông Y Dhiểu Hmok.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Biện Văn C**, sinh năm 1966, có mặt

Bị đơn: Bà **Thới Thị Q**, sinh năm 1967, vắng mặt

(có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **Số A H, tổ dân phố B, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Biện Văn C** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 08/01/1992 ông **Biện Văn C** và bà **Thới Thị Q** đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và theo quy định pháp luật tại **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi**, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng từ năm 2014 ông **C** và bà **Q** hay cãi nhau và phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Ông **Biện Văn C** thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu

được ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông Biện Văn C và bà Thới Thị Q có 03 con chung là chị Biện Thới Vân A, sinh năm 1992; chị Biện Thới Vân H, sinh 1994 và chị Biện Thị Thu T, sinh năm 1997, hiện nay ba con đã đủ tuổi thành niên nên ông Biện Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Thới Thị Q mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bà Q theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông Biện Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 20-6-2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 26-6-2024, Tòa án Thông báo nộp tạm ứng án phí; cùng ngày nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn bà Thới Thị Q vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông **Biện Văn C** và bà **Thới Thị Q** là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống ông **Biện Văn C** xác định từ khoảng năm 2014 vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm và đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông **Biện Văn C** và bà **Thới Thị Q** thì địa phương cung cấp quá trình sống tại địa phương giữa ông, bà có phát sinh mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông **Biện Văn C** và bà **Thới Thị Q** đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông **Biện Văn C** ly hôn bà **Thới Thị Q** là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là chị **Biện Thới Vân A**, sinh năm 1992; chị **Biện Thới Vân H**, sinh 1994 và bà **Biện Thị Thu T**, sinh năm 1997. Hiện tại ba con chung đã đủ tuổi thành niên, ông **Biện Văn C** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[4.3] Về tài chung và công nợ chung: Ông **Biện Văn C** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông **Biện Văn C** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn bà **Thới Thị Q** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Biện Văn C** được ly hôn với bà **Thới Thị Q**.

2. Về con chung: Các con chung đã đủ tuổi thành niên, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông **Biện Văn C** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông **Biện Văn C** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0001598 ngày 26-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bị đơn bà **Thới Thị Q** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Kim Chung